

Số: 942/QĐ-ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2018

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 05 tháng 4 năm 2010 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên trong Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 83/ĐHQG-ĐH&SDH ngày 19 tháng 02 năm 2016 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ và Quyết định số 783/QĐ-ĐHQG ngày 21 tháng 7 năm 2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ kết quả tuyển sinh sau đại học năm 2018 của Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Xét đề nghị của Trường phòng Sau đại học - Ủy viên thường trực Hội đồng Tuyển sinh sau đại học năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển 219 (hai trăm mười chín) học viên cao học khóa 2018-2020 (*Danh sách đính kèm*).

Điều 2. Học viên có tên tại Điều 1 phải làm thủ tục nhập học theo hướng dẫn trong Giấy báo nhập học. Học viên không thực hiện đầy đủ thủ tục nhập học hoặc không nhập học đúng hạn sẽ mất quyền học khóa đào tạo 2018-2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trường các phòng Sau đại học, Kế hoạch-Tài chính, Trường các khoa đào tạo sau đại học và các học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Sau đại học (để b/c)
- Lưu: VT, SDH.



Nguyễn Tiến Dũng

DANH SÁCH THÍ SINH
TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2018

Ngành: Kế toán

(Kèm theo QĐ số 942/QĐ-ĐHKTL ngày 14 tháng 8 năm 2018)

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	10023	Võ Ngọc Anh	Thư	25/6/1995	Tiền Giang	10	9	19	XT ngoại ngữ	
2	10021	Nguyễn Thị Phương	Thảo	01/01/1994	Gia Lai	10	8	18	66	
3	10024	Võ Minh	Triết	11/8/1980	Bến Tre	9	8.5	17.5	69	
4	10010	Nguyễn Thị	Hoa	22/11/1991	Hà Tĩnh	9	8.25	17.5	59.5	
5	10018	Nguyễn Thị Thu	Phương	19/8/1993	Quảng Ninh	9	8	17	65.5	
6	10006	Phan Thị Diệu	Hằng	07/6/1993	Quảng Bình	8.5	8.5	17	83.5	
7	10001	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	14/10/1994	TP.HCM	9	8	17	XT ngoại ngữ	
8	10016	Lê Hồng	Nhung	21/4/1994	Bình Thuận	9	8	17	XT ngoại ngữ	
9	10012	Phạm Thị Ái	Linh	29/10/1988	Bến Tre	8.5	8.25	17	72.5	
10	10019	Hồ Thị Uyên	Phương	27/01/1986	Đắk Lắk	7.5	8.25	16	62	
11	10008	Cao Thị Diệu	Hiền	18/01/1995	Đắk Lắk	9	6.5	15.5	77	
12	10022	Đinh Văn	Thọ	23/03/1985	Ninh Bình	7	7.5	14.5	59	
13	10007	Đoàn Ngọc	Hiền	30/01/1991	Đồng Nai	6.5	7.5	14	51	
14	10020	Vũ Đức	Quang	18/4/1990	TP.HCM	9	5	14	XT ngoại ngữ	
15	10002	Phan Thị Ngọc	Ánh	01/8/1984	Hà Tĩnh	7	6.75	14	XT ngoại ngữ	
16	10013	Võ Thị	Luận	21/10/1977	Quảng Ngãi	6	7	13	51.5	
17	10004	Nguyễn Thị Kim	Duyên	20/4/1986	Long An	5	7.75	13	61	
18	10026	Phạm Bảo	Vy	15/10/1995	Tiền Giang	6.5	5.5	12	XT ngoại ngữ	
19	10011	Nguyễn Ánh	Hồng	28/11/1966	Đắk Lắk	5.5	6.25	12	XT ngoại ngữ	
20	10025	Phạm Đức	Vinh	13/01/1994	TP.HCM	6	5.25	11.5	59.5	

Danh sách có 20 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS Nguyễn Tiến Dũng

DANH SÁCH THÍ SINH
TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2018
Ngành: Kinh tế quốc tế

(Kèm theo QĐ số 942/QĐ-ĐHKTL ngày 18 tháng 9 năm 2018)

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	10062	Nguyễn Thị Tố	Oanh	28/10/1995	Bình Định	9	8.75	18	XT ngoại ngữ	
2	10063	Võ Thị Cẩm	Thu	18/03/1995	Bến Tre	9	8.5	17.5	XT ngoại ngữ	
3	10065	Nguyễn Đăng	Tú	01/01/1994	Đồng Nai	9	7.75	17	XT ngoại ngữ	
4	10061	Nguyễn Thị Ái	Nữ	01/11/1993	Bình Định	8	8	16	XT ngoại ngữ	
5	10064	Quách Thị Bảo	Trân	22/10/1995	An Giang	7.5	6.75	14.5	XT ngoại ngữ	
6	10060	Phan	Nguyễn	17/03/1991	Cần Thơ	7.5	6.5	14	85	
7	10058	Trần Trung	Hậu	16/10/1988	Bến Tre	5	5.75	11	64.5	

Danh sách có 7 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS Nguyễn Tiến Dũng

DANH SÁCH THÍ SINH
TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2018

Ngành: Kinh tế chính trị

(Kèm theo QĐ số 942/QĐ-ĐHKTL ngày 18 tháng 8 năm 2018)

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	10032	Trần Quốc	Toàn	10/11/1984	Tây Ninh	6.75	5.5	12.5	52.5	
2	10029	Trần Thị Bích	Hồng	02/01/1985	Đồng Nai	6.25	5.5	12	64.5	
3	10027	Nguyễn Ngọc	Đức	22/9/1975	Hà Nội	5	5	10	XT ngoại ngữ	
4	10030	Võ Hồng	Khuân	15/02/1978	TP.HCM	5	5	10	XT ngoại ngữ	
5	10033	Vòng Đình Tú	Trình	19/8/1979	Khánh Hòa	5	5	10	XT ngoại ngữ	

Danh sách có 5 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS Nguyễn Tiến Dũng

DANH SÁCH THÍ SINH
TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2018

Ngành: Quản trị kinh doanh

(Kèm theo QĐ số 942/QĐ-ĐHKTL ngày 18 tháng 8 năm 2018)

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	10116	Trần Thành	Nam	26/9/1991	Khánh Hòa	9.5	10	19.5	61.5	
2	10099	Nguyễn Thị Trân	Châu	19/01/1995	Lâm Đồng	10	9.5	19.5	XT ngoại ngữ	
3	10120	Trần Sa	Nhân	22/5/1993	Quảng Ngãi	9	8	17	83.5	
4	10112	Hồ Đăng	Khoa	25/01/1994	Trà Vinh	9	7.5	16.5	XT ngoại ngữ	
5	10105	Bùi Thị Kim	Duyên	26/12/1994	Gia Lai	9	7.25	16.5	XT ngoại ngữ	
6	10107	Lê Hữu	Đại	15/11/1986	Quảng Ngãi	8.5	7.75	16.5	XT ngoại ngữ	
7	10113	Phạm Thị Ngọc	Lan	11/11/1989	Bình Định	7.5	8.5	16	69.5	
8	10110	Văn Đức Sơn	Hà	06/9/1986	Đắk Lắk	8	7.75	16	81.5	
9	10134	Nguyễn Thị	Xuyến	07/02/1985	Hà Nam	7	8.5	15.5	59.5	
10	10098	Nguyễn Minh	Chánh	08/10/1982	TP.HCM	7.5	8	15.5	XT ngoại ngữ	
11	10103	Trương Văn	Cường	13/02/1990	Quảng Nam	7	8	15	57.5	
12	10096	Lê Ngọc	Bích	16/6/1996	TP.HCM	7.5	7.5	15	XT ngoại ngữ	
13	10100	Nguyễn Minh	Chiêu	01/7/1991	Bến Tre	8	6.75	15	XT ngoại ngữ	
14	10118	Trần Bảo	Ngọc	12/01/1995	Bình Định	8	6.5	14.5	67	
15	10102	Nguyễn Tuấn	Cương	01/01/1980	An Giang	7.5	7	14.5	69	
16	10129	Mai Hữu	Trị	20/7/1995	Đồng Nai	8	6.5	14.5	XT ngoại ngữ	
17	10121	Phạm Thị Quỳnh	Như	26/01/1979	TP.HCM	8	6	14	63	
18	10124	Phan Ngọc	Quân	24/7/1978	TP.HCM	6.5	7.25	14	XT ngoại ngữ	
19	10125	Nguyễn Thái	Thành	20/4/1993	Phú Yên	8	5.5	13.5	50	
20	10109	Nguyễn Minh	Đức	29/01/1989	Vĩnh Long	7	6.5	13.5	XT ngoại ngữ	
21	10128	Lê Thị Anh	Thu	21/7/1995	TP.HCM	6.5	7	13.5	XT ngoại ngữ	
22	10111	Võ Ngọc	Hằng	16/12/1990	Tiền Giang	8	5	13	60.5	
23	10117	Nguyễn Trọng	Nam	28/03/1986	Đồng Nai	7	6	13	XT ngoại ngữ	
24	10101	Võ Thị Thu	Cúc	20/12/1993	Long An	6.5	6.25	13	XT ngoại ngữ	
25	10122	Nguyễn Mỹ	Phương	13/6/1984	TP.HCM	7	5.5	12.5	63	
26	10115	Lâm Hồng Trà	My	07/5/1992	TP.HCM	7	5.5	12.5	XT ngoại ngữ	
27	10119	Trần Thanh	Nhân	29/8/1995	TP.HCM	5	7.25	12.5	55.5	
28	10126	Lôi Minh	Thắng	11/10/1989	TP.HCM	7	5	12	78	
29	10324	Trần Thị Kim	Nhớ	13/02/1996	Long An	7	5	12	XT ngoại ngữ	
30	10097	Trần Cao	Cánh	07/10/1992	Bình Thuận	6.5	5	11.5	XT ngoại ngữ	
31	10131	Tôn Thanh	Tùng	03/01/1986	TP.HCM	6	5	11	69	

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	Ghi chú
32	10123	Lê Thị	Phượng	05/10/1995	Vũng Tàu	6	5	11	XT ngoại ngữ	
33	10127	Phạm Xuân	Thắng	24/4/1977	Phú Yên	5	5	10	XT ngoại ngữ	

Danh sách có 33 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS Nguyễn Tiến Dũng



**DANH SÁCH THÍ SINH
TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2018**

Ngành: Kinh tế và Quản lý công

(Kèm theo QĐ số 942/QĐ-ĐHKTL ngày 18 tháng 8 năm 2018)

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	10039	Trần Thị Thanh	Bình	25/12/1995	TP.HCM	7.5	8.5	16	84.5	
2	10044	Nguyễn Thị	Hương	28/9/1991	Nghệ An	9	6	15	XT ngoại ngữ	
3	10046	Lê Phú	Lâm	27/7/1991	TP.HCM	7.5	6	13.5	58.5	
4	10050	Vương Huyền	Trang	01/10/1989	Thanh Hóa	7	6.5	13.5	56.5	
5	10047	Trương Phúc	Mai	29/8/1988	TP.HCM	8	5.25	13.5	60	
6	10054	Thân Thị Hồng	Yến	12/01/1982	TP.HCM	7	6.25	13.5	XT ngoại ngữ	
7	10040	Lê Tấn	Cường	20/11/1989	Vũng Tàu	7	6	13	61	
8	10053	Lê Thị Anh	Xuân	07/11/1992	Sông Bé	6.5	5.75	12.5	71	
9	10049	Lê Quang	Thanh	05/12/1991	Gia Lai	6.5	5.75	12.5	XT ngoại ngữ	
10	10042	Phan Ngọc Quỳnh	Đan	14/10/1992	Sông Bé	7	5	12	77.5	
11	10041	Huỳnh Hoàng	Dũng	11/5/1988	Tây Ninh	6	5.5	11.5	54	
12	10052	Nguyễn Tá Hà	Vy	23/11/1988	TP.HCM	6	5	11	51	
13	10043	Nguyễn Thị	Hòa	30/04/1985	Tây Ninh	5	5	10	61.5	

Danh sách có 13 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS Nguyễn Tiến Dũng

DANH SÁCH THÍ SINH
TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2018

Ngành: Kinh tế học

(Kèm theo QĐ số 942/QĐ-ĐHKTL ngày 17 tháng 8 năm 2018)

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	10037	Nguyễn Khánh	Vương	13/01/1993	Tây Ninh	8.5	9.5	18	XT ngoại ngữ	
2	10036	Nguyễn Thị	Thơm	12/01/1994	Bình Định	5.5	7.5	13	XT ngoại ngữ	
3	10034	Phan Đình Hải	Mỹ	11/10/1995	Bình Phước	6.5	5	11.5	XT ngoại ngữ	
4	10035	Trịnh Hà	Phương	21/03/1992	Thanh Hóa	5.5	5.75	11.5	XT ngoại ngữ	

Danh sách có 4 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS Nguyễn Tiên Dũng

DANH SÁCH THÍ SINH
TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2018

Ngành: Luật Kinh tế

(Kèm theo QĐ số 942/QĐ-ĐHKTL ngày 17 tháng 9 năm 2018)

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	10165	Trần Thị Mai	Loan	09/10/1990	Đồng Nai	9.5	7	16.5	XT ngoại ngữ	
2	10151	Nguyễn Hà	Giang	24/10/1995	Nghệ An	9	7	16	XT ngoại ngữ	
3	10188	An Thái	Phượng	20/01/1992	Thanh Hóa	8	7.5	15.5	78	
4	10142	Nguyễn Văn	Cầm	28/5/1991	Đắk Nông	8	7.5	15.5	XT ngoại ngữ	
5	10144	Vũ Văn	Cường	05/5/1995	Quảng Ngãi	8	7.5	15.5	XT ngoại ngữ	
6	10178	Cao Thảo	Nguyên	04/01/1994	Bình Định	9	6.5	15.5	XT ngoại ngữ	
7	10200	Nguyễn Thị	Thoa	25/7/1977	Phú Thọ	8	7.5	15.5	XT ngoại ngữ	
8	10218	Lương Đình	Tuệ	09/4/1983	Thanh Hóa	9	6.5	15.5	XT ngoại ngữ	
9	10185	Nguyễn Gia Kỳ	Phương	27/8/1994	TP.HCM	7	8	15	83.5	
10	10193	Lê Thị	Tâm	15/5/1990	Thanh Hóa	9	6	15	XT ngoại ngữ	
11	10140	Nguyễn Đức	Bình	09/7/1994	Thái Bình	7.5	7	14.5	XT ngoại ngữ	
12	10181	Nguyễn Trường	Phật	01/03/1979	Bình Định	7.5	7	14.5	XT ngoại ngữ	
13	10213	Huỳnh Thành	Trung	07/01/1995	TP.HCM	6.5	8	14.5	XT ngoại ngữ	
14	10176	Đình Cao	Nguyên	29/01/1985	TP.HCM	7	7	14	XT ngoại ngữ	
15	10161	Nguyễn Thị Xuân	Hương	12/01/1985	Lâm Đồng	5	8.5	13.5	XT ngoại ngữ	
16	10169	Huỳnh	Mẫn	20/10/1975	Quảng Ngãi	8	5.5	13.5	XT ngoại ngữ	
17	10173	Nguyễn Ngọc	Nam	20/8/1991	Lienbang Nga	7	6.5	13.5	XT ngoại ngữ	
18	10179	Huỳnh	Như	24/10/1995	Đồng Tháp	7	6.5	13.5	XT ngoại ngữ	
19	10187	Lê Thị Minh	Phượng	10/9/1995	Nghệ An	8	5.5	13.5	XT ngoại ngữ	
20	10164	Nguyễn Khánh	Linh	19/5/1973	Hà Nội	6.5	6.5	13	50	
21	10174	Lê Thị Ngọc	Ngà	09/6/1993	Bình Định	6.5	6.5	13	58.5	
22	10145	Huỳnh Lý Thúy	Diễm	30/4/1989	Trà Vinh	7.5	5.5	13	65	
23	10189	Lê Ngọc Tú	Quyên	06/5/1991	Khánh Hòa	5	8	13	XT ngoại ngữ	
24	10211	Trần Thị Bạch	Trình	01/7/1995	Quảng Ngãi	6.5	6.5	13	XT ngoại ngữ	
25	10141	Võ Thành	Boan	11/12/1980	Tiền Giang	7	5.25	12.5	XT ngoại ngữ	
26	10186	Mai Như	Phương	18/5/1985	TP.HCM	5.5	7	12.5	XT ngoại ngữ	
27	10168	Nguyễn Hữu	Mạnh	03/9/1986	Bắc Ninh	6	6.5	12.5	59	
28	10155	Đặng Thị Lệ	Hằng	21/02/1982	Đắk Lắk	6.5	6	12.5	61	
29	10222	Nguyễn Đoàn Thị	Xuân	01/01/1995	Đồng Nai	7	5.5	12.5	63	
30	10156	Châu Ngọc	Hân	09/01/1989	Bình Định	7	5.5	12.5	64	
31	10207	Lại Thị Thu	Thùy	11/10/1978	Kiên Giang	6.5	6	12.5	65.5	
32	10202	Nguyễn Hữu	Thống	06/02/1972	Gia Định	7	5.5	12.5	71	
33	10209	Phạm Thị Hoài	Thương	07/11/1995	Bình Dương	6.5	6	12.5	XT ngoại ngữ	

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	Ghi chú
34	10223	Phạm Thị Thảo	Xuyên	06/12/1993	Tiền Giang	7	5.5	12.5	XT ngoại ngữ	
35	10180	Nhan Thị Huỳnh	Như	13/6/1996	Sóc Trăng	6	6	12	61	
36	10199	Nguyễn Thị Võ	Thiên	25/6/1992	Quảng Ngãi	6	6	12	74.5	
37	10219	Huỳnh Thị Ánh	Vân	1984	Tiền Giang	6.5	5.5	12	81.5	
38	10163	Phạm Thị	Lam	06/6/1994	Nghệ An	7	5	12	XT ngoại ngữ	
39	10184	Nguyễn Thị Lan	Phương	07/03/1985	Bình Dương	7	5	12	XT ngoại ngữ	
40	10190	Ngô Thanh	Sang	28/01/1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.5	5.5	12	XT ngoại ngữ	
41	10217	Nguyễn Minh	Tuấn	06/01/1993	Thừa Thiên - Huế	6.5	5	11.5	63.5	
42	10206	Nguyễn Lê Như	Thùy	20/12/1982	TP.HCM	5.5	6	11.5	68.5	
43	10172	Trần Dịu	My	23/02/1993	Bình Định	5.5	6	11.5	76.5	
44	10205	Hà Phương Thanh	Thùy	09/4/1995	TP.HCM	5.5	6	11.5	XT ngoại ngữ	
45	10146	Nguyễn Thị	Dung	18/01/1985	Quảng Ninh	5	6	11	53.5	
46	10154	Võ Ngọc Thiên	Hào	21/5/1994	Quảng Nam	5.5	5.5	11	51.5	
47	10194	Nguyễn Trọng	Tấn	11/12/1995	Vũng Tàu	5.5	5.5	11	66	
48	10138	Danh Thị Kưn	Ánh	11/10/1989	Kiên Giang	6	5	11	68.5	
49	10137	Trần Đức	Anh	30/4/1986	Nghệ An	5	6	11	XT ngoại ngữ	
50	10147	Phạm Quang	Duy	24/7/1995	Lâm Đồng	5.5	5.5	11	XT ngoại ngữ	
51	10203	Trần Thị Kiều	Thu	20/02/1993	Tây Ninh	5	6	11	XT ngoại ngữ	
52	10208	Huỳnh Thị Thanh	Thùy	15/8/1994	TP.HCM	5.5	5.5	11	XT ngoại ngữ	
53	10220	Đỗ Thị Thùy	Vân	10/03/1988	Bến Tre	5	6	11	XT ngoại ngữ	

Danh sách có 53 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS Nguyễn Tiến Dũng

DANH SÁCH THÍ SINH
TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2018

Ngành: Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự

(Kèm theo QĐ số 942/QĐ-ĐHKTL ngày 17 tháng 8 năm 2018)

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	10247	Lê Thị Hồng	Hiếu	07/8/1990	Thanh Hóa	8.5	8	16.5	XT ngoại ngữ	
2	10281	Trương Yên	Nhi	03/7/1995	TP.HCM	8	8	16	XT ngoại ngữ	
3	10329	Bùi Thị	Thu	02/01/1988	Thanh Hóa	8	7.5	15.5	58	
4	10227	Lâm Văn	Anh	06/11/1988	TP.HCM	8.5	7	15.5	XT ngoại ngữ	
5	10269	Trần Thị Tuyết	Mai	22/6/1990	Thanh Hóa	7.5	7	14.5	57.5	
6	10242	Nguyễn Thị Phương	Hằng	17/4/1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	8	6.5	14.5	70.5	
7	10284	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhung	24/8/1970	Thừa Thiên Huế	8.5	6	14.5	XT ngoại ngữ	
8	10290	Dương Diễm	Phương	12/01/1987	TP.HCM	7.5	6.5	14	60.5	
9	10229	Nguyễn Hải	Biển	21/02/1991	Yên Bái	7	6.5	13.5	58	
10	10278	Nguyễn Hồng	Nhân	10/02/1987	Đồng Tháp	7	6.5	13.5	58	
11	10283	Ngô Chánh	Nhung	08/4/1975	TP.HCM	8	5.5	13.5	58	
12	10293	Nguyễn Tuấn	Sơn	19/02/1987	Ninh Bình	8	5.5	13.5	58	
13	10315	Trần Thị Ánh	Tuyết	28/4/1994	TP.HCM	6.5	7	13.5	58	
14	10252	Vũ Thị Thu	Huyền	24/01/1994	Quảng Ninh	8.5	5	13.5	66	
15	10321	Hồ Võ Thanh	Vy	12/02/1989	TP.HCM	7	6	13	75	
16	10279	Nguyễn An	Nhân	11/9/1983	Đồng Nai	7	6	13	82	
17	10243	Phạm Thị Thanh	Hiền	06/11/1993	Đắk Lắk	7	6	13	XT ngoại ngữ	
18	10319	Lê Hùng	Vượng	04/8/1981	Quảng Trị	6	7	13	XT ngoại ngữ	
19	10237	Trần Văn	Diệp	21/02/1978	Thanh Hóa	6.5	6	12.5	53.5	
20	10241	Phạm Thị Lệ	Hà	10/02/1987	Quảng Bình	7	5.5	12.5	56.5	
21	10272	Văn Thị Ngọc	Mỹ	21/5/1989	Gia Lai	6	6.5	12.5	56.5	
22	10305	Lê Thị Thanh	Tịnh	14/5/1985	Quy Nhơn	7	5.5	12.5	59.5	
23	10233	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	28/9/1991	TP.HCM	7.5	5	12.5	72	
24	10268	Nguyễn Ngọc	Mai	20/11/1976	Bình Dương	6.5	6	12.5	75	
25	10267	Lê Thị Ngọc	Ly	22/02/1990	Nam Định	6.5	6	12.5	XT ngoại ngữ	
26	10312	Nguyễn Thị	Trương	06/5/1992	Hà Tĩnh	5	7	12	55.5	
27	10265	Phạm Nguyễn Kim	Long	15/10/1988	TP.HCM	6	6	12	62	
28	10231	Trương Thành	Công	10/02/1979	TP.HCM	6.5	5.5	12	62.5	
29	10285	Phạm Thị Huỳnh	Như	15/02/1992	Long An	6.5	5.5	12	67.5	
30	10256	Nguyễn Mạnh	Khôi	11/6/1991	TP.HCM	6.5	5.5	12	74.5	
31	10280	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	26/01/1994	Long An	7	5	12	XT ngoại ngữ	
32	10295	Đinh Trung	Tấn	13/5/1990	Quảng Bình	6.5	5.5	12	XT ngoại ngữ	
33	10245	Nguyễn Phụng	Hiếu	12/10/1989	Đắk Lắk	6	5.5	11.5	51	



STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	Ghi chú
34	10323	Nguyễn Ngọc	Yến	28/9/1990	Đắk Lắk	6.5	5	11.5	51	
35	10301	Đàm Văn	Thiện	01/03/1992	TP.HCM	6	5.5	11.5	52	
36	10232	Đoàn Thị Thu	Cúc	31/5/1990	Đồng Nai	6	5.5	11.5	58	
37	10235	Nguyễn Quốc	Đặng	16/5/1973	TP.HCM	6.5	5	11.5	65.5	
38	10226	Hồ Xuân	Anh	12/8/1977	TP.HCM	6	5.5	11.5	69	
39	10253	Mai Văn	Hương	20/10/1978	Thanh Hóa	6.5	5	11.5	XT ngoại ngữ	
40	10254	Nguyễn Hoàng Tuyết	Khanh	24/12/1994	TP.HCM	5	6.5	11.5	XT ngoại ngữ	
41	10309	Nguyễn Hoàng	Trung	08/7/1992	Nghệ An	6	5	11	55.5	
42	10320	Phạm Nguyễn Thanh	Vy	08/9/1990	TP.HCM	6	5	11	60	
43	10318	Trần Xuân	Vũ	25/6/1993	Bình Thuận	5.5	5.5	11	89.5	
44	10289	Nguyễn Lê Trúc	Phương	22/5/1995	Khánh Hòa	6	5	11	XT ngoại ngữ	
45	10304	Nguyễn Trần Anh	Thư	30/03/1995	Tây Ninh	6	5	11	XT ngoại ngữ	

Danh sách có 45 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS Nguyễn Tiến Dũng



DANH SÁCH THÍ SINH
TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2018

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

(Kèm theo QĐ số 942/QĐ-ĐHKTL ngày 18 tháng 8 năm 2018)

STT	SBD	Họ	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Cơ bản	Cơ sở	Tổng	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	10091	Lương Kim	Tuyền	21/6/1992	TP.HCM	9	8.25	17.5	51	
2	10085	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	06/9/1993	TP.HCM	8.5	8	16.5	XT ngoại ngữ	
3	10087	Nguyễn Quang	Thắng	27/4/1991	Đồng Nai	9	7.25	16.5	60	
4	10093	Nguyễn Anh	Vũ	28/10/1976	TP.HCM	8	8	16	54	
5	10074	Dương Thị Hoàng	Kim	12/9/1992	TP.HCM	10	6	16	72.5	
6	10073	Nguyễn Bá Duy	Khánh	18/11/1991	TP.HCM	9	7	16	XT ngoại ngữ	
7	10079	Bùi Hoàng	Mol	10/11/1994	Bến Tre	8	7.5	15.5	XT ngoại ngữ	
8	10081	Võ Huỳnh Yến	Nhi	22/12/1992	TP.HCM	8	6.75	15	75	
9	10090	Vũ Thị Thanh	Tuyền	01/11/1986	Thái Bình	7.5	7	14.5	56.5	
10	10069	Trần Quốc	Đạt	24/7/1991	Bình Thuận	7.5	6.5	14	72	
11	10083	Vũ Bảo	Phiên	31/10/1984	TP.HCM	6.5	6	12.5	62	
12	10077	Lê Thị Mỹ	Linh	26/10/1993	Bình Phước	7	5.5	12.5	73	
13	10067	Lê Tuấn	Anh	02/9/1994	Kiên Giang	6.5	6	12.5	XT ngoại ngữ	
14	10084	Trần Liêu Thiên	Phúc	22/12/1995	TP.HCM	5	7.25	12.5	XT ngoại ngữ	
15	10092	Mai Quang	Vinh	06/7/1990	Bến Tre	6.5	5.5	12	69.5	
16	10078	Nguyễn Trí Đức Vỹ	Minh	19/5/1992	Vĩnh Long	7	5	12	74	
17	10086	Đỗ Đình	Thái	07/03/1993	Bình Dương	6	5	11	61.5	
18	10068	Ngô Thị Thùy	Dương	16/4/1993	Bạc Liêu	6	5	11	XT ngoại ngữ	
19	10070	Hồ Thị Thúy	Hằng	10/12/1992	Đồng Nai	5.5	5.25	11	51.5	
20	10082	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	01/6/1992	Bến Tre	5	5	10	67	

Danh sách có 20 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KINH TẾ - LUẬT
HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS Nguyễn Tiến Dũng

DANH SÁCH ƯU TIÊN XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2018

(Kèm theo QĐ số 942/QĐ-ĐHKTL ngày 17 tháng 8 năm 2018)

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Ngành dự thi	Điểm TB xét tuyển (thang điểm 100)
1	Cao Thị Thiên	Hương	09/12/1995	Kế toán	81.3
2	Lê Thị	Vân	28/6/1995	Kế toán	78.3
3	Nguyễn Ngọc	Diễm	14/3/1995	Kinh tế học	77.5
4	Nguyễn Quang	Hiếu	08/08/1995	Kinh tế học	81.25
5	Phạm Văn	Khánh	15/9/1995	Kinh tế học	78.75
6	Nguyễn Yến	Ngọc	28/3/1995	Kinh tế học	76.25
7	Nguyễn Mạch Ý	Nhi	23/6/1995	Kinh tế học	67.5
8	Phan Trung	Đức	26/10/1995	Kinh tế quốc tế	76.25
9	Phạm Thị	Ngọc	01/01/1994	Kinh tế quốc tế	63.75
10	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	19/9/1995	Kinh tế quốc tế	60
11	Nguyễn Hữu	Tín	04/05/1995	Kinh tế quốc tế	75.8
12	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	02/07/1995	Kinh tế quốc tế	77.3
13	Nguyễn Xuân	Hoàng	01/09/1995	Tài chính - Ngân hàng	80
14	Nguyễn Trịnh Ngọc	Hồng	25/4/1995	Tài chính - Ngân hàng	80
15	Lê Anh	Khải	26/4/1995	Tài chính - Ngân hàng	72.5
16	Phan Thuận	Phú	08/06/1995	Tài chính - Ngân hàng	81.6
17	Phạm Anh	Tuấn	03/12/1995	Tài chính - Ngân hàng	80
18	Nguyễn Ngọc Phương	Hồng	09/10/1995	Luật Kinh tế	88.3
19	Huỳnh Thị	Lệ	21/2/1995	Luật Kinh tế	93.3

Danh sách có 19 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS Nguyễn Tiến Dũng